TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/11/2019.
"V/v: Kiện xin ly hôn,yêu cầu giải quyết về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi;

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 04/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang. Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03/10/2019 về tranh chấp: *"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1985;
- Bị đơn: Anh **Đinh X**, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Làng N, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Chị T và anh X đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh X sau một thời gian quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì anh, chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có tổ chức cưới hỏi tại gia đình bên chị và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã J, huyện Đak P, tỉnh Gia Lai, nơi cư trú của anh, vào ngày 22/8/2009.

Quá trình vợ chồng chung sống với nha, anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không chung thủy và không tin tưởng tình cảm của nhau, nên không có hạnh phúc và không còn yêu thương nhau. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Xát.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị Minh T, sinh ngày 17/10/2006. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị xét thấy có lương là nguồn thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, nên chị không yêu cầu anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã J, huyện Đ, Gia Lai vào ngày 22/8/2009.

Anh thừa nhận là trong quá trình chung sống với chị T vợ chồng đã phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không chung thủy và không tin tưởng tình cảm của nhau, nên cuộc sống không có hạnh phúc, không còn yêu thương nhau nữa. Anh, chị đã có lần bị phạt theo tục lệ của làng, vì vợ chồng không chung thủy với nhau. Nay chị T đề nghị được ly hôn với anh thì anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn với chị T, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Thị Minh T, sinh ngày 17/10/2006. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì sau khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động và anh không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu,chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đinh X - Đinh Thị T; các bản sao: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị T; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Đinh X; 01 khai sinh mang tên tên Đinh Thị Minh T.

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp: Không có

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị T và anh X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã J, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/8/2009; anh chị có 01 con chung là cháu tên Đinh Thị Minh T, sinh ngày 17/10/2006. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị T giao nộp là bản chính 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đinh X- Đinh Thị T và bản sao Giấy khai sinh của Đinh Thị Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Đinh Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Đinh Xát. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thui và anh X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã J, huyện Đ, Gia Lai vào ngày 22/ 8/ 2009 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính, theo cả anh và chị đều thừa nhận là do vợ chồng không tin tưởng tình cảm của nhau, không chung thủy với nhau, đã có lần bị phạt theo phong tục của làng , mặc dù sau đó anh, chị không vi phạm nữa, nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc do không còn yêu thương nhau nữa. Chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Về phía anh X, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận là quá trình chung sống vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày. Tuy nhiên, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con chung, nên anh không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, tạo điều kiện cho chị T và anh X đoàn tụ gia đình nhưng anh chị đều không tìm được tiếng nói chung, không đoàn tụ gia đình được. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T , anh X đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình (HN&GĐ) năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh X.

[3] Về con chung: Chị T và anh X có 01 con chung tên Đinh Thị Minh T, sinh ngày 17/10/2006. Sau khi ly hôn, cả hai đương sự đều đề nghị được nuôi cháu T nhưng xét cháu T hiện đang đang còn nhỏ, nên cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn, về điều kiện kinh tế chị T là giáo viên có thu nhập ổn định sẽ đảm bảo điều kiện tốt hơn để trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét các điều kiện, hoàn cảnh, khả năng của chị T và anh X. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, do chị T không yêu cầu nên anh X không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh X tự thỏa thuận với nhau nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đinh X.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Minh T, sinh ngày 17/10/2006 cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, do chị T không yêu cầu nên anh X không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị T phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003193 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; chị T đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 04/11/2019)*, chị T và anh X có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện K;
-THADS huyện K;
(khi có hiệu lực pháp luật);
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành

CÁC HỘI THẨM ND **THẨM PHÁN-CTPT**